

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

Số: 747/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 25 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình trồng rừng thay thế diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, địa điểm trồng: Tại lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBND ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp;

Căn cứ Tiêu chuẩn ngành số 04 TCN-65-2003 Quy trình kỹ thuật trồng rừng Thông ba lá (*Pinus Kesiya*) ban hành kèm Quyết định số 188/2003/QĐ-BNN ngày 23/01/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Tiêu chuẩn ngành số 04 TCN-130-2006 Quy phạm kỹ thuật trồng rừng cây Giổi xanh (*Michelia mediocris* Dandy) ban hành kèm theo Quyết định số 4108/QĐ/BNN-KHCN ngày 29/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 437/QĐ-KT ngày 23/6/1998 của Bộ Lâm nghiệp ban hành quy phạm kỹ thuật trồng rừng Dầu con rái (*Dipterocarpus alatus*);

Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12509-2:2018, Phần 2: Nhóm loài cây sinh trưởng chậm ban hành kèm theo Quyết định số 4150/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc công bố giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của các loài cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về công bố hiện trạng rừng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao kế hoạch phát triển rừng năm 2024 cho các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo số 277/BC-SNN ngày 30 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình trồng rừng thay thế diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, địa điểm trồng: Tại lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên quản lý, với các nội dung sau:

1. Tên công trình, chủ đầu tư

- Tên công trình: Trồng rừng thay thế diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Dự án: Trồng rừng thay thế diện tích rừng đã chuyển sang mục đích khác được UBND tỉnh Đắk Nông giao tại Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 về việc giao kế hoạch phát triển rừng năm 2024 cho các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Chủ đầu tư: Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên.

2. Địa điểm

- Lô a, b, c, khoảnh 6, Tiểu khu 1605; Lô a, khoảnh 4, lô a, khoảnh 5, Tiểu khu 1607; Lô a, khoảnh 1, Tiểu khu 1608 thuộc địa giới hành chính xã Hưng Bình, huyện Đắk R'lấp.

- Lô a, khoảnh 4, lô a, khoảnh 8, lô a, khoảnh 9, Tiểu khu 1587 thuộc địa giới hành chính xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp.

3. Mục tiêu công trình

Nhằm bù lại diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, chống xói mòn, cải tạo môi trường sinh thái, hạn chế thiên tai và biến đổi khí hậu.

4. Nội dung và quy mô

- Nội dung: Khu vực thiết kế trồng rừng có hiện trạng đất chưa có rừng. Đối chiếu bản đồ quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 (*file bản đồ số do đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh cung cấp*) khu vực thiết kế trồng rừng thuộc quy hoạch lâm nghiệp, phù hợp đối tượng đất trồng rừng thay thế.

- Quy mô: Tổng diện tích thiết kế 11,30 ha (*diện tích thực trồng 9,98 ha, đường băng cản lửa là 1,32 ha*), trong đó:

+ Diện tích trồng thuần loài Thông ba lá: 4,78 ha (*diện tích thực trồng 4,07 ha, diện tích đường băng cản lửa 0,71 ha*). Vị trí: Tại lô a, b, c khoảnh 6, Tiểu khu 1605; Lô a, khoảnh 4, lô a, khoảnh 5, Tiểu khu 1607; Lô a, khoảnh 1, Tiểu khu 1608 thuộc địa giới hành chính xã Hưng Bình, huyện Đắk R'lấp.

+ Diện tích trồng hỗn loài Giổi xanh, Dầu rái: 6,52 ha (*diện tích thực trồng 5,91 ha, diện tích đường băng cản lửa 0,61 ha*). Vị trí: Tại lô a, khoảnh 4, lô a, khoảnh 8, lô a, khoảnh 9, Tiểu khu 1587 thuộc địa giới hành chính xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp.

5. Giải pháp thiết kế chủ yếu

- Loài cây trồng: Căn cứ điều kiện lập địa, mục tiêu phát triển rừng phòng hộ, đặc tính sinh thái: Loài cây được lựa chọn để trồng là **Thông ba lá** (*Pinus*

Kesiya Royle ex gordon), **Giổi xanh** (*Michelia mediocris* Dandy) và **Dầu rái** (*Dipterocarpus alatus*).

- Phương thức trồng: Trồng thuần loài (*Thông ba lá*) và trồng hỗn loài (*Giổi xanh, Dầu rái*) trồng một hàng cây Giổi xanh xen kẽ với một hàng cây Dầu rái.

- Mật độ trồng: Căn cứ vào điều kiện tự nhiên, mục tiêu phòng hộ, đặc tính sinh thái, chọn mật độ trồng như sau:

+ Đối với trồng thuần loài *Thông ba lá*: 1.660 cây/ha (*Hàng cách hàng 3m, cây cách cây 2m*).

+ Đối với trồng hỗn loài *Giổi xanh, Dầu rái*: 832 cây/ha (*Hàng cách hàng 4m, cây cách cây 3m*).

- Xử lý thực bì: Trong khu vực trồng rừng tiến hành phát dọn sạch cỏ, dây leo, cây bụi. Khi xử lý thực bì phải chừa lại toàn bộ cây thân gỗ có sẵn, cây tái sinh mục đích và không được đốt.

- Kích thước hố đào: *Thông ba lá* 30 x 30 x 30 cm. *Giổi xanh* và *Dầu rái* 40 x 40 x 40 cm.

- Thời vụ trồng rừng: Tháng 7 năm 2024.

- Phương pháp trồng: Cây con có bầu (*cây thực sinh*).

- Tiêu chuẩn cây khi đem trồng: Đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của cây *Thông ba lá, Giổi xanh, Dầu rái* quy định tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc công bố giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của các loài cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể:

+ *Thông ba lá*: Tuổi cây đạt từ 6 - 8 tháng tuổi. Chiều cao cây ≥ 20 cm. Đường kính gốc đạt $\geq 0,6$ cm. Cây cứng khỏe, không cụt ngọn, không bị nấm bệnh lá chuyển từ màu xanh lục sang màu xanh chuối non.

+ *Giổi xanh*: Tuổi cây đạt từ 10-12 tháng tuổi. Chiều cao cây đạt ≥ 60 cm. Đường kính gốc đạt $\geq 0,7$ cm. Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt, không có biểu hiện bị sâu bệnh hại.

+ *Dầu rái*: Tuổi cây đạt từ 12 tháng tuổi. Chiều cao cây đạt ≥ 80 cm. Đường kính gốc đạt $\geq 0,8$ cm. Cây khỏe, cân đối, không cụt ngọn, không bị sâu bệnh hại.

* Biện pháp kỹ thuật chăm sóc rừng trồng

Trồng dặm: Trong ba năm đầu sau khi trồng, nếu tỷ lệ cây sống dưới quy định nghiệm thu hoặc mật độ thành rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam thì phải trồng dặm. Số lượng cây trồng dặm tùy theo mật độ hiện có để trồng bổ sung đảm bảo tiêu chí thành rừng theo quy định. Tuổi cây giống để trồng dặm tương ứng với năm trồng rừng.

Chăm sóc: Cây khi mới trồng còn non dễ bị cỏ dại lấn át, cần được chăm sóc cẩn thận trong giai đoạn kiến thiết cơ bản (60 tháng tính từ khi trồng đến hết thời gian chăm sóc), cụ thể:

- Đối với Thông ba lá: Năm 2024 và năm 2029 chăm sóc 1 lần/năm; năm 2025 đến năm 2028 chăm sóc 2 lần/năm.

+ Chăm sóc năm thứ nhất (từ tháng 7/2024 đến hết tháng 12/2024): Chăm sóc 1 lần. Thời gian thực hiện: Tháng 10 – 11. Nội dung công việc: Phát thực bì toàn diện, gom đốt có kiểm soát, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo, xới vun gốc đường kính $\leq 0,8$ m.

+ Chăm sóc năm thứ hai (từ tháng 01/2025 đến hết tháng 12/2025): Chăm sóc 2 lần/năm. Thời gian thực hiện: Lần 1 tháng 6 – 7, lần 2 tháng 10 - 11. Nội dung công việc: Lần 1 phát thực bì toàn diện, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo, xới vun gốc đường kính $\leq 0,8$ m, kết hợp bón thúc phân 0,2 kg/hố. Lần 2 phát thực bì toàn diện, gom đốt có kiểm soát, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo, xới vun gốc đường kính $\leq 0,8$ m.

+ Chăm sóc năm thứ ba (từ tháng 01/2026 đến hết tháng 12/2026): Chăm sóc 2 lần/năm. Thời gian thực hiện: Lần 1 tháng 6 – 7, lần 2 tháng 10 - 11. Nội dung công việc: Lần 1 phát thực bì toàn diện, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo, xới vun gốc đường kính $\leq 0,8$ m. Lần 2 phát thực bì toàn diện, gom đốt có kiểm soát, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo, xới vun gốc đường kính $\leq 0,8$ m.

+ Chăm sóc năm thứ tư (từ tháng 01/2027 đến hết tháng 12/2027): Chăm sóc 2 lần/năm. Thời gian thực hiện: Lần 1 tháng 6 – 7, lần 2 tháng 10 - 11. Nội dung công việc: Lần 1 phát thực bì toàn diện, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo, xới vun gốc đường kính $\leq 0,8$ m. Lần 2 phát thực bì toàn diện, gom đốt có kiểm soát, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo.

+ Chăm sóc năm thứ năm (từ tháng 01/2028 đến hết tháng 12/2028): Chăm sóc 2 lần/năm. Thời gian thực hiện: Lần 1 tháng 6 – 7, lần 2 tháng 10 - 11. Nội dung công việc: Lần 1 phát thực bì toàn diện, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo. Lần 2 phát thực bì toàn diện, gom đốt có kiểm soát, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo.

+ Chăm sóc năm thứ sáu (từ tháng 01/2029 đến hết tháng 6/2029): Chăm sóc 1 lần. Thời gian thực hiện: Tháng 5 – 6. Nội dung công việc: Phát thực bì toàn diện, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo.

- Đối với Giổi xanh và Dầu rái: Năm 2024 và năm 2029 chăm sóc 1 lần; năm 2025 chăm sóc 3 lần/năm; năm 2026 đến năm 2028 chăm sóc 2 lần/năm.

+ Chăm sóc năm thứ nhất (từ tháng 7/2024 đến hết tháng 12/2024): Chăm sóc 1 lần. Thời gian thực hiện: Tháng 10 – 11. Nội dung công việc: Phát thực bì toàn diện, gom đốt có kiểm soát, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo, xới vun gốc đường kính 0,8 - 1 m.

+ Chăm sóc năm thứ hai (*từ tháng 7/2025 đến hết tháng 12/2025*): Chăm sóc 3 lần/năm. Thời gian thực hiện: Lần 1 tháng 5 – 6, lần 2 tháng 7 – 8, lần 3 tháng 10 – 11. Nội dung công việc: Lần 1 phát thực bì toàn diện, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo. Lần 2 rẫy sạch cỏ, xới vun gốc đường kính 0,8 – 1 m, bón thúc phân 0,2 kg/hố. Lần 3 phát thực bì toàn diện, gom đốt có kiểm soát, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo.

+ Chăm sóc năm thứ ba (*từ tháng 01/2026 đến hết tháng 12/2026*): Chăm sóc 2 lần/năm. Thời gian thực hiện: Lần 1 tháng 6 – 7, lần 2 tháng 10 - 11. Nội dung công việc: Lần 1 phát thực bì toàn diện, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo, xới vun gốc đường kính 0,8 – 1 m. Lần 2 phát thực bì toàn diện, gom đốt có kiểm soát, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo.

+ Chăm sóc năm thứ tư, thứ năm (*từ tháng 01/2027 đến hết tháng 12/2028*): Chăm sóc 2 lần/năm. Thời gian thực hiện: Lần 1 tháng 6 – 7, lần 2 tháng 10 - 11. Nội dung công việc: Lần 1 phát thực bì toàn diện, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo. Lần 2 phát thực bì toàn diện, gom đốt có kiểm soát, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo.

+ Chăm sóc năm thứ sáu (*từ tháng 01/2029 đến hết tháng 6/2029*): Chăm sóc 1 lần. Thời gian thực hiện: Tháng 5 – 6. Nội dung công việc: Phát thực bì toàn diện, tỉa một số cành sâu bệnh, cong queo.

Sau khi hết thời gian kiến thiết cơ bản, thực hiện nghiệm thu hoàn thành và đưa toàn bộ diện tích rừng trồng trên vào nuôi dưỡng, quản lý bảo vệ rừng tập trung và phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô theo quy định.

*** Bảo vệ rừng**

- Thường xuyên tuần tra, kiểm tra, canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Làm đường băng cản lửa bao quanh lô trồng rừng.

- Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết vào mùa khô hanh để có biện pháp ứng phó kịp thời hạn chế xảy ra cháy rừng, thành lập tổ, đội phòng cháy chữa cháy vào mùa khô.

6. Dự toán: Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế: **1.177.924.919** đồng. (*Một tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi tư nghìn, chín trăm mười chín đồng*); bình quân **104.241.143** đồng/ha. Trong đó:

| TT | Hạng mục chi phí | Dự toán (đồng) |
|-----------|---------------------------|-----------------------|
| 01 | Chi phí vật tư | 164.643.980 |
| 02 | Chi phí nhân công | 863.249.100 |
| 03 | Chi phí chung 5% | 51.394.654 |
| 04 | Chi phí quản lý dự án 3 % | 32.378.632 |

| TT | Hạng mục chi phí | Dự toán (đồng) |
|----|------------------------|----------------------|
| 05 | Chi phí khác | 10.166.890 |
| 06 | Chi phí dự phòng = 5% | 56.091.663 |
| | TỔNG CỘNG | 1.177.924.919 |
| | BÌNH QUÂN 01 HA | 104.241.143 |

7. Nguồn vốn đầu tư và tiến độ giải ngân

- Nguồn vốn: Từ nguồn kinh phí của các chủ dự án có chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để trồng rừng thay thế.

- Tiến độ giải ngân:

| TT | Hạng mục | Số tiền (đồng) | Phân theo năm | | | | | |
|----|---|----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| | | | 2024 (6 tháng) | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 | 2029 (6 tháng) |
| | TỔNG CHI PHÍ DỰ TOÁN | 1.177.924.919 | 594.278.341 | 168.619.272 | 143.148.950 | 118.020.810 | 105.507.991 | 48.349.555 |
| | Tổng chi phí vật tư và nhân công lao động (A + B) | 1.027.893.079 | 518.585.340 | 147.142.300 | 124.916.124 | 102.988.545 | 92.069.479 | 42.191.291 |
| A | Phần vật tư | 164.643.980 | 164.643.980 | - | - | - | - | - |
| B | Nhân công lao động | 863.249.100 | 353.941.360 | 147.142.300 | 124.916.124 | 102.988.545 | 92.069.479 | 42.191.291 |
| I | Lao động trực tiếp | 757.042.511 | 296.443.854 | 132.912.388 | 112.967.981 | 93.286.282 | 83.516.970 | 37.915.036 |
| II | Lao động gián tiếp | 106.206.589 | 57.497.506 | 14.229.913 | 11.948.143 | 9.702.264 | 8.552.509 | 4.276.255 |
| C | Chi phí chung = 5%x(A+B) | 51.394.654 | 25.929.267 | 7.357.115 | 6.245.806 | 5.149.427 | 4.603.474 | 2.109.565 |
| D | Chi phí quản lý dự án = 3%x(A+B+C) | 32.378.632 | 16.335.438 | 4.634.982 | 3.934.858 | 3.244.139 | 2.900.189 | 1.329.026 |
| E | Chi phí khác | 10.166.890 | 5.129.328 | 1.455.384 | 1.235.545 | 1.018.660 | 910.659 | 417.314 |
| F | Chi phí dự phòng = 5%x (A+B+C+D+E) | 56.091.663 | 28.298.969 | 8.029.489 | 6.816.617 | 5.620.039 | 5.024.190 | 2.302.360 |

8. Thời gian thực hiện:

- Năm 2024: Trồng, chăm sóc năm thứ nhất;
- Năm 2025: Chăm sóc năm thứ hai;
- Năm 2026: Chăm sóc năm thứ ba;
- Năm 2027: Chăm sóc năm thứ tư;
- Năm 2028: Chăm sóc năm thứ năm;
- Năm 2029 (đến tháng 6 năm 2029): Chăm sóc năm thứ sáu.

Từ tháng 7 năm 2029: Thực hiện nghiệm thu hoàn thành, đưa toàn bộ diện tích trồng rừng vào nuôi dưỡng, quản lý bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định.

(Kèm Hồ sơ thiết kế, dự toán, bản đồ thiết kế trồng rừng)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo đúng mục tiêu và tiến độ thực hiện; tuân thủ đúng quy trình, quy phạm và quản lý công trình theo đúng quy định.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, giám sát Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên trong quá trình triển khai thực hiện hồ sơ thiết kế, dự toán trồng rừng thay thế.

- UBND huyện Đăk R'lấp có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên xử lý các vướng mắc liên quan, đặc biệt trong việc xử lý tranh chấp, lấn, chiếm đất đai (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đăk R'lấp; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, NNTNMT(Thi).

3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

ĐĂK NÔNG